

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 05-7-2024.

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thanh Huệ và ông Nguyễn Bá Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Linh Ngân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1985; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông Hồ Lê T1, sinh năm 1980; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 tại T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới, lý do không đăng ký kết hôn là do không hiểu biết pháp luật.

Quá trình sống chung ông T1 và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đồng thời phát hiện chồng sử dụng ma túy, đã nhiều lần đưa đi cai nghiện nhưng không đạt kết quả.

Trong thời gian chung sống, có 03 con chung là Hồ Quỳnh N, sinh ngày 01-6-2008; Hồ Quỳnh H, sinh ngày 12-11-2009 và Hồ Lê Phú Q, sinh ngày 05-6-2015.

Nay bà T thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1 là vợ chồng.

+ Về con chung: Tại biên bản hoà giải ngày 14/6/2024 bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1 thoả thuận giao 03 con chung Hồ Quỳnh N, sinh ngày 01-6-2008; Hồ Quỳnh H, sinh ngày 12-11-2009 và Hồ Lê Phú Q, sinh ngày 05-6-2015 cho bà Lê Thị Ngọc T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Lê T1 trình bày: Ông T1 đồng ý với lời trình bày trên của bà T về tình trạng hôn nhân và con chung, không bổ sung gì thêm. Về mâu thuẫn vợ chồng ông T1 thấy mục đích hôn nhân không đạt được, lý do bà T và ông T1 bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý với lời trình bày của bà T là yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà T và ông T1 là vợ chồng.

+ Về con chung: Đối với 03 con chung là cháu Hồ Quỳnh H, sinh ngày 12-11-2009, cháu Hồ Quỳnh N, sinh ngày 01-6-2008, cháu Hồ Lê Phú Q, sinh ngày 05-6-2015. Ông T1 đồng ý giao các con chung cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên ông T1 không có ý kiến gì.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1 là vợ chồng.

+ Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1 thoả thuận giao các con chung Hồ Quỳnh N, sinh ngày 01-6-2008; Hồ Quỳnh H, sinh ngày 12-11-2009 và Hồ Lê Phú Q, sinh ngày 05-6-2015 cho bà Lê Thị Ngọc T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Ngọc T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu kiến nghị khác phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Hồ Lê T1. Hiện nay, ông T1 đang sinh sống tại Thôn 2, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án, do bà T và ông T1 chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn nên khi yêu cầu ly hôn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không quy định thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 tại T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới, lý do không đăng ký kết hôn là không hiểu biết pháp luật. Quá trình sống chung ông T1 và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà T cho rằng ông T1 là người nghiện ma túy, đã đi cai nghiện nhiều lần không được. Nay cả hai vợ chồng xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đã viết đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T là có căn cứ, việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là không được pháp luật công nhận. Hậu quả của việc bà T và ông T1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật này thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1 thỏa thuận giao 03 con chung Hồ Quỳnh N, sinh ngày 01-6-2008; Hồ Quỳnh H, sinh ngày 12-11-2009 và Hồ Lê Phú Q, sinh ngày 05-6-2015 cho bà Lê Thị Ngọc T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp một trong các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Ngọc T không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu T1 bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15 Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hồ Lê T1 thỏa thuận giao 03 con chung Hồ Quỳnh N, sinh ngày 01-6-2008; Hồ Quỳnh H, sinh ngày 12-11-2009 và Hồ Lê Phú Q, sinh ngày 05-6-2015 cho bà Lê Thị Ngọc T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp một trong các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Ngọc T không yêu cầu nên không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lê Thị Ngọc T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm trên, được khấu trừ vào số tiền bà Lê Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số 0004162 ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

1.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã N;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà